

Bản án số: 09/2020/DS - ST
Ngày: 21- 7- 2020
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Văn
2. Bà Nguyễn Thị Lại

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST- DS ngày 04/01/2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-DS ngày 20/02/2020, cùng các quyết định hoãn phiên tòa; thông báo thay đổi về thời gian mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Q– Sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: Ông Đỗ Văn H– Sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị D– Sinh năm 1983 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Chu Thị T– Sinh năm 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Chị Đỗ Thị H – Sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2018 cùng các lời khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Đỗ Văn Qtrình bày:

Anh và ông Đỗ Văn H là chỗ người quen biết gần nhà. Ngày 26/01/2018, ông đến nhà anh và nói rằng ông biết mỗi bán xe máy thanh lý tại Bắc Ninh giá rẻ, bán thanh lý 09 chiếc xe máy các loại với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, nếu anh mua thì ông sẽ mua cho. Sau đó anh đã đưa cho ông H đủ số tiền là 80.000.000 đồng để nhờ ông mua xe cho anh. Khi nhận tiền từ anh, hai bên có viết giấy biên nhận tiền, trong giấy biên nhận tiền thể hiện ông H cam kết nếu đến ngày 05/02/2018 ông H không giao đủ xe cho anh thì coi như ông H không mua được xe và phải hoàn trả anh số tiền anh đã đưa cho ông H là 80.000.000 đồng. Nếu sai ông H sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Khi anh đưa tiền cho ông H có chị Nguyễn Thị D là vợ anh và chị Đỗ Thị H là con gái ông H chứng kiến. Nhưng đến ngày 05/02/2018 ông H không mua được xe cho anh. Ông H nói chuyện với anh rằng ông muốn vay luôn số tiền mua xe để lo việc gia đình và anh đã đồng ý. Hai bên thỏa thuận bằng miệng anh cho ông H vay trong 3 tháng, tức là vay đến ngày 05/5/2018 với lãi suất 1%/1 tháng, trả hàng tháng. Tuy nhiên, đến ngày 05/5/2018 ông H không trả được cho anh tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi như đã thỏa thuận. Mặc dù anh đã nói chuyện với ông H nhiều lần nhưng từ đó đến nay ông H vẫn chưa trả được cho anh khoản tiền nào. Nay anh đề nghị Tòa án buộc ông H phải trả cho anh 80.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 05/02/2018 cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

- Bị đơn ông Đỗ Văn H tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ trình bày:

Ông không quen biết anh Đỗ Văn Q, ông chỉ biết là con gái ông là chị Đỗ Thị H có quan hệ vay tiền với anh Q mà thôi. Do vậy không có việc ông giới thiệu mỗi bán xe máy thanh lý cho anh Q, không có việc ông nhận 80.000.000 đồng từ anh Q và sau đó cũng không có việc ông vay tiền anh Q để lo việc gia đình như anh Q đã trình bày. Về giấy biên nhận tiền ngày 26/01/2018 ông hoàn toàn không biết, ông xác định ông không ký và ghi tên vào giấy biên nhận tiền này. Do vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Q.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị là vợ của anh Đỗ Văn Q. Ngày 26/01/2018, ông H có lên nhà vợ chồng chị và đặt vấn đề với vợ chồng chị là có mỗi bán thanh lý xe máy, nếu vợ chồng chị mua thì ông sẽ mua hộ. Do là chỗ tin tưởng lại ở gần nhau nên vợ chồng chị đã đưa 80.000.000 đồng cho ông H, và ông H có hẹn đến ngày 05/02/2018 sẽ giao đủ xe cho

vợ chồng chị. Khi giao tiền hai bên có viết giấy biên nhận với nhau, trực tiếp chị là người viết giấy, và có con gái ông H là chị Đỗ Thị H chứng kiến. Tuy nhiên đến ngày 05/02/2018 ông H không giao được xe như đã thoả thuận, và ông H có nói chuyện với anh Q là muốn vay luôn số tiền 80.000.000 đồng đó để lo việc gia đình, thời gian vay là 3 tháng, lãi hai bên tự thoả thuận. Nhưng đến hết thời hạn vay 3 tháng ông H vẫn không trả được tiền cho vợ chồng chị. Nay chị hoàn toàn nhất trí với quan điểm của anh Q, yêu cầu Toà án buộc ông H phải trả tiền nợ gốc cho vợ chồng chị là 80.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 05/02/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Vì điều kiện công việc nên chị xin được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hoà giải và phiên xét xử vụ án.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị T* đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, giấy triệu tập của Toà án nhưng không đến Toà án làm việc, cũng không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H* hiện không có mặt tại địa phương, đã được niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng chữ ký và chữ viết “H, Đỗ Văn H” có trong giấy biên nhận tiền ngày 26/01/2018 do anh Q cung cấp không phải là chữ ký, chữ viết của ông. Toà án đã tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ ký, chữ viết “H, Đỗ Văn H” tại phần “Người nhận tiền (họ tên – ký)” trong Giấy biên nhận tiền ngày 26/01/2018 và mẫu so sánh do Toà án thu thập. Kết luận giám định số 1360/KL-PC09 ngày 23/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chữ ký, chữ viết “H, Đỗ Văn H” dưới mục “Người nhận tiền (họ tên – ký) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Văn H trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký, viết ra”.

Không đồng ý với Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, ngày 16/9/2019 ông H đã có đơn đề nghị giám định lại chữ ký, chữ viết “H, Đỗ Văn H”. Toà án đã tiến hành trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định lại chữ ký, chữ viết “H, Đỗ Văn H” tại phần “Người nhận tiền (họ tên – ký)” trong Giấy biên nhận tiền ngày 26/01/2018 và mẫu so sánh do Toà án thu thập. Kết luận giám định số 320/C09-P5 ngày 15/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Văn H cần giám định trên mẫu ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Văn H mẫu so sánh trên các mẫu ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người ký, viết ra”.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đỗ Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Anh yêu cầu ông H phải trả cho anh số tiền gốc 80.000.000 đồng và số tiền lãi kể từ thời điểm 05/02/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Anh không yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cùng ông H.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được công bố lời khai. Anh Q không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị D đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H, bà T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 136; điều 137; điều 147; điều 227; điều 228; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Q.

Buộc ông Đỗ Văn H có trách nhiệm thanh toán trả anh Đỗ Văn Q số tiền gốc 80.000.000 đồng và lãi chậm trả tiền là 19.610.000 đồng.

- Về chi phí giám định: Buộc ông Đỗ Văn H phải thanh toán trả anh Đỗ Văn Q số tiền 3.200.000 đồng.

- Án phí: Ông Đỗ Văn H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

Anh Đỗ Văn Q không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả anh Q số tiền tạm ứng án phí 2.100.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/05251 ngày 04/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ anh Đỗ Văn Q đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T, chị D, chị H theo đúng quy định tại các Điều 175; 177; 196; 208 và 220 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn ông Đỗ Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T, chị H vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị D xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T, chị D, chị H theo quy định tại Điều 227; Điều 228 BLTTDS 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Ngày 26/01/2018, giữa anh Đỗ Văn Q và ông Đỗ Văn H có viết giấy biên nhận tiền với nhau với nội dung “Nay tôi có nhận của ông Đỗ Văn Q tại địa chỉ thôn K – Q – Việt Yên – Bắc Giang số tiền là 80.000.000 đồng (bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn) để đi mua xe máy tại Bắc Ninh cho ông Đỗ Văn Q. Nếu đến ngày 05 tháng 02 năm 2018 tôi không mua được xe máy thanh lý cho ông Đỗ Văn Q, tôi xin hoàn trả đầy đủ số tiền 80.000.000 cho ông Đỗ Văn Q”. Theo giấy biên nhận, việc ông H nhận 80.000.000 đồng của anh Q là để đi mua xe máy tại Bắc Ninh cho anh Q. Anh Q xác định sau khi ông H nhận tiền thì không thực hiện được theo cam kết và giữa ông H với anh có thỏa thuận với nhau chuyển số tiền 80.000.000 đồng sang thành số tiền ông H vay anh. Nhưng ông H không thừa nhận việc vay và không thừa nhận việc viết giấy biên nhận với anh Q. Do vậy, trong trường hợp này, cần xác định anh Q đã giao tài sản của anh là số tiền 80.000.000 đồng cho ông H để đi mua xe máy cho anh chứ không phải ông H vay anh số tiền trên. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về kiện đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn là ông Đỗ Văn H có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên theo quy định tại khoản 3 điều 26, điều 35, điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Việc viết giấy biên nhận tiền với nhau giữa anh Q và ông H được thực hiện năm 2018 đến tháng 01/2019 anh Q khởi kiện là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp và nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán:

- Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn anh Đỗ Văn Q trình bày ngày 26/01/2018, giữa anh và ông Đỗ Văn H có viết với nhau giấy biên nhận tiền. Nội dung giấy biên nhận thể hiện ông Đỗ Văn H có nhận của anh số tiền 80.000.000 đồng để mua xe máy cho anh. Đến nay anh yêu cầu ông H trả anh số tiền 80.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 05/02/2018 cho đến nay. Ông Đỗ Văn H xác nhận ông không quen biết anh Q, không có việc ông đi mua xe máy thanh lý cho anh Q và cũng không nhận 80.000.000 đồng từ anh Q. Giấy biên nhận tiền ngày 26/01/2018 ông không biết và không ký vào

giấy biên nhận, do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù ông H không thừa nhận ông ký và viết vào giấy biên nhận tiền ngày 26/01/2018 nhưng theo kết luận giám định số 1360/KL-PC09 ngày 23/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận “Chữ ký, chữ viết “H, Đỗ Văn H” dưới mục “Người nhận tiền(họ tên –ký) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Văn H trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M8 là do cùng một người ký, viết ra” và kết luận số 360/C09-P5 ngày 15/11/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận “Chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Văn H trên mẫu ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Văn H trên các mẫu ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người ký, viết ra”. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định giữa ông H và anh Q có viết giấy biên nhận tiền, ông H có cầm của anh Q số tiền 80.000.000 đồng. Ông H không có tài liệu chứng cứ, chứng minh ông đã thanh toán trả anh Q số tiền 80.000.000 đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Q là có căn cứ chấp nhận.

-Về nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán: Trước đây, anh Q yêu cầu ông H và bà T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh số tiền 80.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa, anh chỉ yêu cầu ông H trả anh tiền, không yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông H. Do vậy, cần buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Q số tiền gốc 80.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu của anh Đỗ Văn Q, yêu cầu ông Đỗ Văn H phải thanh toán trả anh tiền lãi từ thời điểm ngày 05/02/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Q thừa nhận ban đầu anh đưa 80.000.000 đồng để nhờ ông H mua xe máy thanh lý giúp anh, tuy nhiên sau đó ông H không mua được xe máy nên giữa anh và ông H có thỏa thuận miệng với nhau là anh cho ông H vay số tiền 80.000.000 đồng đây trong 03 tháng, tức là vay tới ngày 05/05/2018, lãi suất là 1%/1 tháng, trả hàng tháng nhưng ông H không thừa nhận việc vay tiền như anh Q trình bày. Anh Q không cung cấp được giấy tờ thể hiện giữa anh và ông H đã chuyển số tiền 80.000.000 đồng anh nhờ ông H mua xe máy thành giấy vay tiền giữa anh và ông H. Do vậy, không có căn cứ thể hiện ông H vay tiền anh. Tuy nhiên, do ông H chưa thanh toán trả anh Q số tiền 80.000.000 đồng nên ông H phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 BLDS 2015. Cụ thể, số tiền lãi chậm trả ông H phải thanh toán trả anh Q là $80.000.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ tháng} \times 0,83\% / 01 \text{ tháng} = 19.610.000 \text{ đồng}$.

[6] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Tòa án đã trưng cầu giám định và giám định lại chữ ký, chữ viết của ông Đỗ Văn H. Anh Q đã nộp chi phí giám định

lần 1 là 3.200.000 đồng. Ông H đã nộp chi phí giám định lại là 5.000.000 đồng. Cả 2 lần giám định đều khẳng định chữ ký, chữ viết của ông H dưới mục “người nhận tiền(họ tên-ký) H, Đỗ Văn H” là do ông H viết và ký. Do vậy, ông H phải chịu toàn bộ chi phí giám định và giám định lại. Do ông H đã nộp số tiền chi phí giám định lại là 5.000.000 đồng nên ông còn phải chịu chi phí giám định lần 1 là 3.200.000 đồng. Anh Q là người nộp tiền chi phí giám định lần 1 nên ông H phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Q số tiền chi phí giám định là 3.200.000 đồng theo quy định tại Điều 136; Điều 137 BLTTDS 2015.

[7]Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để miễn án phí DSST cho ông Đỗ Văn Hdo ông H là người cao tuổi. Anh Q không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả anh Q số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 điều 26, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 136; điều 137; điều 147; điều 227; điều 228; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Văn Q.

Buộc ông Đỗ Văn H có trách nhiệm thanh toán trả anh Đỗ Văn Q số tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 19.610.000 đồng.

- Về chi phí giám định: Buộc ông Đỗ Văn H phải thanh toán trả anh Đỗ Văn Q số tiền 3.200.000 đồng.

-Án phí: Ông Đỗ Văn H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

Anh Đỗ Văn Q không phải chịu tiền án phí DSST. Hoàn trả anh Đỗ Văn Q số tiền tạm ứng án phí 2.100.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/05251 ngày 04/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, có mặt biết có thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi liên quan vắng mặt biết thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Việt Yên;
- Chi cục THADS H. Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên